

Bản án số: **168/2025/DS-ST**

Ngày: 25- 9 - 2025.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tường Bích;

Ông Bùi Tuấn Khanh.

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Tống Thị Dung E**, sinh ngày 12/5/1982

Căn cước công dân số: 083182006160, cấp ngày 20/02/2025.

Địa chỉ: Ấp PM, xã LT, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* **Bà Võ Thị Y**, sinh năm 1977

Căn cước công dân số: 083177006884, cấp ngày 03/7/2021.

Địa chỉ: Ấp PM, xã LT, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Nhật L, sinh năm 1974

Căn cước công dân số: 083074002910, cấp ngày 14/8/2023.

Địa chỉ: Ấp PM, xã LT, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của **ông L: Bà Võ Thị Y**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp PM, xã LT, tỉnh Vĩnh Long, là đại diện theo ủy quyền của ông L. (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 5 năm 2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2025 bản tự khai ngày 19/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Tống Thị Dung E trình bày:*

Nguyên vào năm 2023 bà có tham gia chơi 03 dây hụi do bà Võ Thị Y làm chủ hụi như sau:

- *Dây hụi thứ 1:* Hụi khai ngày 15/09/2023 (âl) (nhằm ngày 29/10/2023 dương lịch), mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 15 (âl) hàng tháng, bà tham gia chơi 03 phần, việc chơi hụi không có làm giấy tờ.

Bà đã đóng được 11 kỳ với số tiền vốn 3 phần chơi đã đóng là: 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng). Hụi của bà là hụi sống.

Tuy nhiên, đến kỳ khai hụi thứ 12 nhằm ngày 15/09/2024 âl (nhằm ngày 15/11/2024 dương lịch) thì bà Y bẻ hụi và chưa trả cho bà số tiền trên.

- *Dây hụi thứ 2:* Hụi khai ngày 15/04/2024 (âl) (nhằm ngày 22/05/2024 dương lịch), mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 15 (âl) hàng tháng, bà tham gia chơi 04 phần, việc chơi hụi không có làm giấy tờ.

Trong đó bà đã đóng được 4 kỳ với số tiền vốn 2 phần chơi đã đóng là: 5.600.000 đồng. Và 3 kỳ với số vốn 2 phần chơi, đã đóng là: 4.360.000 đồng. Hụi của bà là hụi sống.

Tuy nhiên, đến kỳ khai hụi thứ 5 nhằm ngày 15/07/2024 (âl) (nhằm ngày 18/08/2024 dương lịch) thì bà Y bẻ hụi và chưa trả cho bà số tiền trên.

Hụi đến ngày 15/12/2025 âl thì mãn hụi, nhưng đã bị bẻ giữa chừng. Vì vậy, dây hụi này bà Võ Thị Y còn nợ bà số tiền hụi sống (4 phần chơi) là: 9.960.000 đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) cho đến nay chưa trả.

- *Dây hụi thứ 3:* Hụi khai ngày 05/06/2023 (al) (nhằm ngày 22/07/2023 dương lịch), mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai 01 lần vào ngày 05 (âl) hàng tháng, bà tham gia chơi 02 phần, việc chơi hụi không có làm giấy tờ.

Bà đã đóng được 14 kỳ với số tiền vốn 2 phần chơi đã đóng là: 19.600.000 đồng. Hụi của bà là hụi sống.

Tuy nhiên, đến kỳ khai hội thứ 15 nhằm ngày 05/07/2024 (âm) (nhằm ngày 08/08/2024 dương lịch) thì bà Y bẻ hội và chưa trả cho bà số tiền trên.

+ Hội mua: Đồng thời cũng đây hội này bà có mua 2 phần hội đến tháng 02/2025 nữa. Bà đưa cho bà Y số tiền mua 02 đây hội là 30.800.000 đồng (có giấy giao tiền), nếu hội nữa bà Y nợ bà 44.000.000 đồng, nhưng do hội bẻ nên yêu cầu bà Y trả gốc và một phần lãi cho bà là: 37.400.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đến thời điểm này bà Y có trả bà 9.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bà Y còn nợ bà là: 81.060.000 đồng (Tám mươi một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hôm nay bà làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xem xét, giải quyết buộc Bà: Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L (chồng bà Y) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là: 81.060.000 đồng (Tám mươi một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng), bà không yêu cầu tính lãi suất.

Lý do yêu cầu liên đới: Chị Yến và anh Linh là vợ chồng nên vợ chồng có nghĩa vụ trả nợ chung với nhau. Bà giao dịch hội trực tiếp với bà Y, nhưng anh Linh chồng bà Y có biết việc bà Y chơi hội với bà, một số tiền bà giao tiền hội có anh Linh nhưng anh Linh không có ý kiến gì, việc chị Yến và anh Linh có ly thân gì không thì bà không biết, việc chị Yến và anh Linh ly hôn tháng 6 năm 2025 là chuyện vợ chồng hai người bà không có ý kiến nhưng lúc phát sinh nợ vợ chồng còn sống chung, biết bà Y chơi hội với bà nên phải có trách nhiệm trả nợ.

** Tại bản tự khai ngày 19/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Y và cũng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật L trình bày:*

Bà thống nhất với nguyên đơn về số đây hội, số phần hội nguyên đơn chơi từng đây, mệnh giá hội, ngày khai, số tiền đã đóng, số tiền hội mua và thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 81.060.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà bắt đầu làm chủ hội vào năm 2001, bà kết hôn với anh Nhật Linh năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/04/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (cũ). Bà làm chủ hội để sinh sống hàng ngày cho bản thân, lo cho con cái trong gia đình, vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2004, do đặc thù công việc của anh Linh làm trong quân đội nên vài tháng mới về nhà một lần, về ở vài ba bữa lại đi, từ lúc lấy nhau về bà tự lo kinh tế gia đình, lo cho con cái, tiền mạnh ai nấy xài, không quản lý kinh tế của nhau, đó giờ bà làm chủ hội anh Linh không có tham gia giao dịch với hội viên, nhưng biết bà làm chủ hội. Đến tháng 03/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau, do mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc trong gia đình, chăm lo con cái ăn học nên vợ chồng đã ly

hôn vào ngày 13/6/2025 theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 132/2025/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà liên đới cùng anh Linh trả số tiền nợ hui là 81.060.000 đồng thì bà không đồng ý, khoản nợ này là nợ riêng của bà nên bà tự chịu một mình, anh Linh không liên quan. Lúc vợ chồng ly hôn có thỏa thuận là anh Linh để lại hết tài sản cho bà (hiện do bà đứng tên) để bán mà trả nợ cho các hui viên.

** Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 23/8/2025 (có phần trình bày ý kiến) ông Nguyễn Nhật L trình bày như sau:*

Ông và bà Võ Thị Y chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2025 thì ly hôn theo quyết định ly hôn của tòa án số 132/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025.

Trước đó ông bà đã ly thân từ tháng 3/2023. Ông sinh sống công tác tại đơn vị nhiều tháng mới về nhà một lần. Việc bà Y tổ chức chơi hui, sau đó bị nhiều hui viên giựt hui dẫn đến bể hui ông hoàn toàn không biết. Ông không hề biết và không sử dụng số tiền hoa hồng từ việc tổ chức chơi hui của bà Y. Tất cả tài sản chung của vợ chồng đều do bà Y đứng tên.

Do đó, nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Dung E yêu cầu ông cùng liên đới trả số tiền nợ hui ông không đồng ý. Vì ông không có tham gia tổ chức chơi hui, không biết cũng như không sử dụng số tiền hoa hồng này.

Vợ chồng hiện đã ly hôn, tuy nhiên trong vụ án này ông tiếp tục ủy quyền cho bà Y theo giấy ủy quyền ngày 15/5/2025 đã nộp trước đây.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX (Hội đồng xét xử) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 471, 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tống Thị Dung E số tiền nợ hui là 81.060.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà E khởi kiện yêu cầu bà Y và ông L có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui là 81.060.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại **Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn xin xác nhận **nơi cư trú** đề ngày 22/4/2025, Công an xã LT, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cũ xác nhận bà Võ Thị Y có đăng ký thường trú và hiện sống tại ấp PM, xã LT. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

- *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của bà E buộc bà Y và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hui là 81.060.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy mua hui ngày 05/6/2023.

+ Giấy kết nợ ngày 15/4/2024

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, **đều** xác định được giữa bà E với bà Y có giao dịch chơi hui với nhau và sau khi hai bên kết nợ lại thì bà Y còn nợ bà E số tiền hui là 81.060.000 đồng, vỡ hui vào tháng 7/2024.

[3.1]. Bà Y thừa nhận có giao dịch chơi hui như bà E trình bày là đúng và sau khi hai bên kết nợ lại, hiện bà Y còn nợ bà E là 81.060.000 đồng. Mặc dù các bên chơi hui không có làm hợp đồng bằng văn bản nhưng có thỏa miệng, chỉ có 01 giấy mua hui ngày 05/6/2023 và giấy kết nợ ngày 15/4/2024 chưa ghi rõ ràng, giấy kết nợ ghi 104720, hai bên thống nhất là 104.720.000 đồng, sau đó bà Y có trả được cho bà E được một khoản tiền và hiện tại bà Y thừa nhận còn nợ bà E số tiền là 81.060.000 đồng, lời thừa nhận này là tự nguyện nên căn cứ **vào khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây **là tình tiết, sự kiện** không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[3.2]. Nay bà Y làm chủ hui nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía bà E số tiền hui mà bà đã đóng khi tuyên bố bể hui, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hui theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường, nên bà E khởi kiện yêu cầu bà Y trả nợ hui là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà E là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất:

Bà E chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Nhật L có nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo giấy kết hôn giữa bà Y và ông L thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 2000 nên bà Y và ông L là vợ chồng hợp pháp, bà Y trình bày vợ chồng bà ly thân từ 03/2023 nhưng bà không có cơ sở chứng minh vấn đề này. Bà trình bày vợ chồng hiện đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 132/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 tuy nhiên nợ nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Y và ông L, mục đích bà Y làm chủ hội **đề lo chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình**, lo cho con cái (con chung của bà Y, ông L) chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân, nên buộc ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà E được chấp nhận toàn bộ, nên bà Y và ông L phải chịu án phí của số tiền 81.060.000 đồng là: 81.060.000 đồng x 5%/tháng = 4.053.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **Điều 468, 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị Dung E đối với bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*”.

2. Buộc bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tổng Thị Dung E số tiền nợ hụi là 81.060.000 đồng (Tám mươi một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tổng Thị Dung E không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 4.053.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng)

5.2. Bà Tổng Thị Dung E được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.026.500 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001078 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy

